

Số: 15 /2020/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 23 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 15/TTr-SKHHCN ngày 14/4/2020 về việc ban hành Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/5/2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh; các tổ chức và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp - Cục Kiểm tra văn bản QPPL;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy Ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT2 ^{Trần Tuấn}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Phóng

QUY ĐỊNH

**Quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở
sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15 /2020/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về việc quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở).

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh (gọi tắt là cơ quan, đơn vị); tổ chức, cá nhân có liên quan đến triển khai thực hiện và quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Quy định này không áp dụng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật nhà nước.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Là nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ phục vụ sự phát triển của ngành, địa phương, đơn vị do Giám đốc Sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã, Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh phê duyệt, ký hợp đồng thực hiện.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được tổ chức dưới hình thức đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở, dự án khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Bộ phận quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Là bộ phận thuộc đơn vị cơ sở, được giao chức năng, nhiệm vụ quản lý khoa học và công nghệ (ví dụ như Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Văn phòng Sở thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...).

3. Bộ phận Tài chính cơ sở: Là bộ phận phụ trách tài chính của đơn vị cơ sở (ví dụ như Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch hoặc Kế hoạch - Tài chính của các sở...).

4. Hội đồng khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Là Hội đồng khoa học và công nghệ của sở, ban, ngành; Hội đồng khoa học và công nghệ của huyện, thị xã, thành phố; Hội đồng khoa học và công nghệ của đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh.

5. Các khái niệm, thuật ngữ không nêu tại điều này được hiểu theo Luật Khoa học và Công nghệ và các văn bản hướng dẫn Luật Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Yêu cầu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thực sự cấp thiết đối với sự phát triển của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Tính khả thi cao.

3. Khả năng ứng dụng hoặc nhân rộng kết quả rõ ràng trong thực tiễn và sản xuất.

4. Không trùng lặp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách các cấp đã hoặc đang thực hiện.

Điều 4. Yêu cầu đối với tổ chức thực hiện, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Yêu cầu đối với tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

a) Tổ chức có tư cách pháp nhân hoặc được thành lập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực khoa học và công nghệ của nội dung nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được giao; có đủ điều kiện về nhân lực, thiết bị và cơ sở vật chất cần thiết cho việc triển khai, phối hợp nghiên cứu và áp dụng kết quả vào thực tế cuộc sống.

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có thể phối hợp với các tổ chức hoặc cá nhân khác có cơ sở vật chất, nhân lực, chuyên môn để thực hiện nội dung nghiên cứu. Tuy nhiên, tổng số lượng nhân sự tham gia thực hiện 01 đề tài, dự án cấp cơ sở không vượt quá 07 thành viên.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp làm chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở:

a) Đến thời điểm nộp hồ sơ chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước đây;

b) Không thực hiện nghĩa vụ đăng ký, nộp lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ và không báo cáo ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã được nghiệm thu theo quy định;

c) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ hoặc sau khi kết thúc mà không triển khai ứng dụng kết quả vào sản xuất, đời sống theo hợp đồng thì không được đăng ký tham gia giao trực tiếp trong thời gian 01 năm, tính từ thời điểm đã hoàn thành các yêu cầu theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ từ đại học trở lên;

b) Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và có ít nhất 03 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở đăng ký tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

c) Là người chủ trì hoặc tham gia chính xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

d) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở:

a) Đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ vẫn đang chủ trì hoặc đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở;

b) Cá nhân là chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” mà không được gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả; hoặc được gia hạn nhưng hết thời hạn cho phép vẫn chưa hoàn thành kết quả sẽ không được tham gia đăng ký giao trực tiếp trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thanh lý hợp đồng;

c) Cá nhân là chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách các cấp có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện và truy cứu trách nhiệm hình sự sẽ không được tham gia đăng ký giao trực tiếp trong thời hạn 03 năm kể từ ngày đã hoàn thành các yêu cầu theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương II

XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 5. Căn cứ để xây dựng đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Triển khai thực hiện theo chỉ đạo, đặt hàng (bằng văn bản), chiến lược, kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, địa phương.

2. Triển khai ứng dụng vào thực tiễn kết quả đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, công nhận kết quả hoặc kết quả đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp nhà nước, cấp bộ, các mô hình khoa học và công nghệ đã được ứng dụng thành công.

3. Đề xuất nhiệm vụ của các cá nhân, đơn vị.

4. Định hướng xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ hằng năm của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 6. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Định kỳ hàng năm hoặc theo tính cấp thiết của ngành, địa phương, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị ban hành thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở về Bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Hồ sơ được vận dụng theo quy định tại Khoản 8, Điều 1 Thông tư số 03/2017/TT-BKHCHN ngày 03/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCHN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 03/2017/TT-BKHCHN).

3. Bộ phận quản lý khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Tiếp nhận các đề xuất; tổng hợp các danh mục đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở với các nội dung sau: Tên nhiệm vụ, tính cấp thiết của nhiệm vụ, dự kiến mục tiêu, nội dung thực hiện, kết quả hoặc sản phẩm dự kiến sẽ đạt được, địa chỉ áp dụng kết quả và các thông tin khác (nếu có).

Điều 7. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở (sau đây gọi là Hội đồng) có trách nhiệm tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên cơ sở thảo luận các nhiệm vụ được đề xuất với các tiêu chí: Tính cấp thiết, tính mới, tính khả thi, khả năng ứng dụng và khả năng huy động nguồn lực để triển khai thực hiện.

3. Tùy thuộc vào lĩnh vực và tính chất của các nhiệm vụ được đề xuất, thủ trưởng cấp cơ sở quyết định số lượng và thành phần Hội đồng, nhưng tối đa không quá 07 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, 02 ủy viên phản biện và các ủy viên, trong đó có 01 ủy viên là thư ký Hội đồng.

4. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, thư ký Hội đồng và 02 ủy viên phản biện;

b) Hội đồng nhận xét, đánh giá bỏ phiếu đối với từng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được đề xuất. Phiếu nhận xét và phiếu đánh giá được vận dụng theo mẫu B1-TVHĐ đối với Đề tài/Dự án sản xuất thử nghiệm; mẫu B3-TVHĐ đối với Dự án khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCHN;

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan, trung thực, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp. Hội đồng bỏ phiếu lựa chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo hai hình thức: “Đề nghị thực hiện” và “Đề nghị không thực hiện”;

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được “Đề nghị thực hiện” khi tất cả các nội dung trong phiếu đánh giá được đánh giá “đạt yêu cầu” và “Đề nghị không thực hiện” khi một trong các nội dung đánh giá được đánh giá “không đạt yêu cầu”.

d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Hội đồng đề nghị thực hiện khi có ít nhất 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt bỏ phiếu thông qua;

đ) Phiên họp Hội đồng phải được lập thành biên bản (Mẫu biên bản vận dụng theo mẫu C2-BBHFĐ ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BKHCHN).

5. Trình tự làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;

b) Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét;

c) Các thành viên Hội đồng đánh giá các đề xuất và bỏ phiếu đánh giá đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

- d) Thư ký Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên Hội đồng;
- đ) Chủ tịch Hội đồng kết luận những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi (nếu có).

Điều 8. Phê duyệt danh mục đề tài, dự án cấp cơ sở

1. Căn cứ kết quả cuộc họp của Hội đồng xác định danh mục, bộ phận quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tổng hợp và trình thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở ra quyết định phê duyệt danh mục.

2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt, cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm thông báo, công bố công khai danh mục các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được phê duyệt.

Chương III

TUYỂN CHỌN, GIAO TRỰC TIẾP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CƠ SỞ

Điều 9. Thông báo danh mục và kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã phê duyệt được thông báo công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Việc tuyển chọn, giao trực tiếp phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng; kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp phải được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Hồ sơ đăng ký tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được vận dụng theo Điều 5 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN).

Điều 11. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được vận dụng theo Điều 6 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN.

Điều 12. Mở, kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Mở, kiểm tra, xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được vận dụng theo Điều 7 Thông tư số 08/2017/TT-BKHHCN.

Điều 13. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp có nhiệm vụ xét duyệt hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trên cơ sở đánh giá tính cấp thiết, mục tiêu, nội dung thực hiện, tính hiệu quả, khả năng ứng dụng, sản phẩm đạt được.

3. Tùy thuộc vào tính chất và lĩnh vực của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở mà thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định thành phần của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, nhưng tối đa không quá 07 thành viên.

4. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm và thành viên thuộc tổ chức đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở không được tham gia Hội đồng.

5. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng:

a) Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch Hội đồng, 02 ủy viên phản biện và 01 thành viên là thư ký Hội đồng;

b) Các thành viên hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Phiếu đánh giá chấm điểm vận dụng theo mẫu tại Thông tư số 08/2017/TT-BKH-CN: Đề tài ứng dụng công nghệ theo mẫu B2-3a-ĐGDTCN; Đề tài khoa học xã hội nhân văn theo mẫu B2-3b-ĐGDTEXH; dự án sản xuất thử nghiệm theo mẫu B2-3c-ĐGDĐA.

c) Hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được Hội đồng đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện là hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên; trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

d) Phiên họp Hội đồng phải được lập thành biên bản (Mẫu biên bản vận dụng theo mẫu B2-6-BBHD ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKH-CN).

6. Trình tự làm việc của Hội đồng:

a) Thư ký Hội đồng công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần đại biểu tham dự và mời Chủ tịch Hội đồng điều khiển phiên họp;

b) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ báo cáo tóm tắt thuyết minh nhiệm vụ;

c) Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng trình bày ý kiến nhận xét (Phiếu nhận xét vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKH-CN: Phiếu nhận xét đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ theo mẫu B2-2a-NXĐTCN; Phiếu nhận xét đề tài khoa học xã hội nhân văn theo mẫu B2-2b-NXĐTEXH; Phiếu nhận xét dự án sản xuất thử nghiệm theo mẫu B2-2c-NXĐĐA);

d) Tổ chức, cá nhân đăng ký thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của Hội đồng (nếu có);

đ) Hội đồng tiến hành thảo luận để thống nhất nội dung kết luận của Hội đồng, các thành viên Hội đồng cho điểm đánh giá thuyết minh nhiệm vụ (Phiếu đánh giá vận dụng theo Thông tư số 08/2017/TT-BKH-CN: Đề tài ứng dụng công nghệ theo mẫu B2-3a-ĐGDTCN; Đề tài khoa học xã hội nhân văn theo mẫu B2-3b-ĐGDTEXH; dự án sản xuất thử nghiệm theo mẫu B2-3c-ĐGDĐA);

e) Thư ký công bố điểm trung bình của các thành viên Hội đồng;

g) Chủ tịch Hội đồng kết luận những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi (nếu có) trong thuyết minh nhiệm vụ, thời gian chủ nhiệm nhiệm vụ hoàn chỉnh thuyết minh và kết thúc phiên họp Hội đồng.

7. Sau khi kết thúc phiên họp Hội đồng, đơn vị cấp cơ sở có văn bản thông báo kết quả gửi các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Tổ chức, cá nhân được đề nghị trúng tuyển, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của Hội đồng trong thời hạn 20 ngày làm việc sau khi họp Hội đồng và gửi về bộ phận quản lý hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở để tiến hành thẩm định kinh phí.

Điều 14. Tổ thẩm định kinh phí

1. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Số lượng và thành phần của Tổ thẩm định kinh phí do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định nhưng không quá 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; tổ phó là đại diện bộ phận phụ trách tài chính của cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở; 01 thành viên là đại diện Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và các thành viên khác theo quyết định của thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Nhiệm vụ của Tổ thẩm định:

a) Tổ thẩm định đánh giá sự phù hợp của các nội dung nghiên cứu với kết luận của Hội đồng tuyển chọn, giao trực tiếp, dự toán kinh phí của nhiệm vụ với chế độ quy định, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi tiêu hiện hành của Nhà nước do các cơ quan có thẩm quyền ban hành để xác định: Chi phí công cho các thành viên thực hiện; kinh phí hỗ trợ mua nguyên vật liệu, thiết bị và các khoản chi khác cũng như thời gian cần thiết để thực hiện;

b) Đánh giá phương án huy động và khả năng đối ứng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước (nếu có) của tổ chức đăng ký tuyển chọn, giao trực tiếp; đề xuất các văn bản cần bổ sung trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ (nếu cần thiết);

c) Kiến nghị tổng mức kinh phí thực hiện nhiệm vụ cấp cơ sở gồm kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và các nguồn khác (nếu có), thời gian thực hiện và phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần.

4. Việc thẩm định kinh phí phải được lập thành biên bản (Mẫu biên bản thẩm định kinh phí vận dụng theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN: Thẩm định kinh phí đề tài theo mẫu B3-1a-TĐĐT/ĐA; Thẩm định kinh phí dự án sản xuất thử nghiệm theo mẫu B3-1b-TĐĐA).

Điều 15. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Phê duyệt kết quả tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được vận dụng theo Điều 15 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tiến hành ký hợp đồng triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở với tổ chức chủ trì, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Mẫu hợp đồng được vận dụng theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN).

3. Trên cơ sở hợp đồng đã ký, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai các nội dung công việc theo nội dung, tiến độ đã được phê duyệt.

4. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở cấp kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Hợp đồng đã ký, tiến độ thực hiện các nội dung. Cấp lần đầu không quá 50% tổng kinh phí từ ngân sách; lần hai không quá 30% kinh phí còn lại, lần ba được cấp sau khi đã nghiệm thu, giao nộp sản phẩm, đăng ký kết quả và quyết toán kinh phí.

Điều 16. Kiểm tra, đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có trách nhiệm triển khai thực hiện đúng theo nội dung đề cương được duyệt và hợp đồng đã ký.

2. Định kỳ 06 tháng một lần kể từ thời điểm hợp đồng có hiệu lực hoặc theo yêu cầu đột xuất, tổ chức chủ trì, chủ nhiệm có trách nhiệm gửi báo cáo về cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, nêu rõ khối lượng công việc đã triển khai, đánh giá kết quả sơ bộ đạt được, tình hình sử dụng kinh phí, kế hoạch triển khai. Trường hợp tổ chức chủ trì, chủ nhiệm không báo cáo định kỳ từ 02 lần liên tiếp trở lên sẽ bị dừng cấp kinh phí, đình chỉ thực hiện và xử lý theo quy định.

3. Kiểm tra tình hình thực hiện đề tài, dự án:

a) Trong quá trình thực hiện, tổ chức chủ trì có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và chấn chỉnh sai sót làm ảnh hưởng đến mục tiêu, nội dung, tiến độ kế hoạch, kết quả của đề tài, dự án.

b) Định kỳ mỗi năm 01 lần hoặc đột xuất khi có yêu cầu, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện, nội dung và tình hình sử dụng kinh phí theo hợp đồng đã ký. Cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra tiến độ thực hiện nội dung, kết quả đạt được, tình hình giải ngân và sử dụng kinh phí theo đề cương và hợp đồng. Việc kiểm tra sẽ thông báo trước 03 - 05 ngày làm việc cho tổ chức chủ trì, trường hợp kiểm tra đột xuất sẽ không thông báo.

4. Kết quả kiểm tra là căn cứ để xem xét tiếp tục triển khai thực hiện, điều chỉnh bổ sung hoặc đình chỉ và thanh lý hợp đồng.

5. Biểu mẫu báo cáo, biên bản kiểm tra vận dụng theo quy định tại Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN): Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện nhiệm vụ theo mẫu A-1-BCDK; Báo cáo nội dung khoa học, tiến độ thực hiện nhiệm vụ theo mẫu A-2-BCTĐ; Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí theo mẫu A-3-BCSDKP; Báo cáo sản phẩm khoa học và công nghệ đã hoàn thành theo mẫu A-4-BCSPHT; Báo cáo sản phẩm khoa học và công nghệ đã được chuyển giao, ứng dụng vào thực tế theo mẫu A-5-BCSPUD; Xác nhận khối lượng công việc theo mẫu B-1-XNKLCV; Xác nhận tình hình sử dụng kinh phí theo mẫu B-2-XNKP; Biên bản kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo mẫu C-2-BBKTĐG.

Điều 17. Điều chỉnh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở cần điều chỉnh một số nội dung trong thuyết minh nhiệm vụ thì phải có văn bản gửi thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở để xem xét, quyết định điều chỉnh.

2. Điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ

a) Việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ chỉ được thực hiện 01 lần đối với mỗi nhiệm vụ và chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng. Thời gian gia hạn không quá 03 tháng đối với các nhiệm vụ có thời gian thực hiện đến 12 tháng; không quá 04 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 12 tháng đến 18 tháng; không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 18 tháng đến 24 tháng; không quá 09 tháng đối với nhiệm vụ có thời gian thực hiện trên 24 tháng.

b) Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ.

3. Điều chỉnh tên, mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Không được phép điều chỉnh.

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần: Việc điều chỉnh được xem xét sau khi có ý kiến của hội đồng tư vấn do thủ trưởng đơn vị cơ sở thành lập.

4. Điều chỉnh nội dung của nhiệm vụ

a) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán đến sản phẩm cuối cùng: Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ được chủ động điều chỉnh nội dung nhiệm vụ và tự chịu trách nhiệm về quyết định điều chỉnh của mình.

b) Đối với nhiệm vụ thực hiện theo phương thức khoán một phần: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ phải có văn bản báo cáo cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xem xét, quyết định việc điều chỉnh nội dung đối với từng trường hợp cụ thể.

5. Điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ

a) Tổ chức chủ trì chủ nhiệm nhiệm vụ có quyền đề nghị điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ;

b) Khi có sự điều chỉnh kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm phải có văn bản trình cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xem xét quyết định.

6. Thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ

a) Việc thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp sau: Chủ nhiệm nhiệm vụ đi học tập, công tác dài hạn trên 03 tháng liên tục, chuyển công tác; Chủ nhiệm nhiệm vụ bị ốm đau, bệnh tật không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu của nhiệm vụ (có văn bản đề nghị của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ hoặc xác nhận của cơ quan y tế); Chủ nhiệm nhiệm vụ tử vong, biệt tích trên 06 tháng; Chủ nhiệm nhiệm vụ có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm nhiệm vụ vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao; Chủ nhiệm nhiệm vụ không hoàn thành tiến độ và nội dung nhiệm vụ theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng, vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính theo kết luận của đoàn kiểm tra, thanh tra hoặc phải đình chỉ công tác.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ mới phải đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 3 Điều 4 Quy định này.

7. Thay đổi Tổ chức chủ trì nhiệm vụ

a) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thay đổi trong trường hợp có quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sáp nhập, chia, tách, giải thể Tổ chức chủ trì nhiệm vụ.

b) Tổ chức chủ trì nhiệm vụ được giao thay thế phải đáp ứng các yêu cầu tại Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

8. Điều chỉnh khác đối với các nhiệm vụ

a) Điều chỉnh, bổ sung cá nhân tham gia nghiên cứu: Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ được chủ động thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu để đảm bảo thực hiện tốt mục tiêu, sản phẩm của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Việc thay đổi cá nhân tham gia nghiên cứu phải có sự đồng thuận của người được bổ sung và người được thay thế.

b) Điều chỉnh khác đối với các nội dung không quy định tại Quy định này do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định.

Điều 18. Chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong quá trình thực hiện

Trình tự, thẩm quyền chấm dứt hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Thông tư số 04/2015/TT-BKH-CN.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU VÀ CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 19. Nguyên tắc đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Căn cứ vào nội dung nghiên cứu, thực hiện trong thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở đã phê duyệt; hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi là hợp đồng) đã ký kết và các nội dung đánh giá được quy định tại Quy định này;

2. Căn cứ vào hồ sơ đánh giá, nghiệm thu;

3. Đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công bằng, trung thực và chính xác.

Điều 20. Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

2. Quy định về việc tự đánh giá được vận dụng theo Điều 12, Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có sử dụng ngân sách nhà nước (gọi tắt là Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN).

3. Kết quả tự đánh giá được tổng hợp và báo cáo theo hướng dẫn quy định tại Khoản 2, Điều 5 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

Điều 21. Thành phần hồ sơ, nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Thành phần hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được vận dụng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

2. Việc nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được vận dụng theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

Điều 22. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định thành lập.

2. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có 07 thành viên, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện và 01 ủy viên thư ký Hội đồng. Các thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thì được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

3. Cá nhân làm việc tại tổ chức chủ trì nhiệm vụ có thể tham gia Hội đồng nhưng không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên phản biện, ủy viên thư ký Hội đồng. Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ không được tham gia Hội đồng.

4. Tài liệu họp của Hội đồng nghiệm thu được bộ phận chuyên môn quản lý đề tài, dự án cấp cơ sở gửi cho các thành viên Hội đồng và đại biểu ít nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp, thành phần hồ sơ vận dụng theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

5. Phương thức làm việc của Hội đồng

Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch chủ trì cuộc họp (trường hợp Chủ tịch vắng). Các quyết định của Hội đồng được thông qua khi có từ 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình, chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng.

6. Trình tự làm việc của Hội đồng

a) Thư ký công bố quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự, chương trình làm việc.

b) Người chủ trì nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu của cuộc họp.

c) Chủ nhiệm đề tài, dự án (hoặc người được ủy quyền) trình bày tóm tắt trước Hội đồng về kết quả thực hiện đề tài, dự án.

d) Thư ký đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có).

đ) Các thành viên Hội đồng, đại biểu tham dự trình bày nhận xét đánh giá.

e) Đại diện tổ chức chủ trì, chủ nhiệm đề tài, dự án giải trình các vấn đề thành viên Hội đồng và đại biểu đặt ra.

g) Các thành viên Hội đồng cho điểm vào phiếu đánh giá theo mẫu đã gửi.

h) Thư ký khoa học tổng hợp ý kiến đánh giá, nhận xét và số điểm của các thành viên Hội đồng.

7. Kết quả làm việc của Hội đồng nghiệm thu là biên bản họp, gồm có kết quả chấm điểm, xếp loại và tổng hợp các ý kiến nhận xét, kết luận của Hội đồng. Thời gian hoàn thiện biên bản nghiệm thu không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên họp Hội đồng nghiệm thu đề tài, dự án.

Điều 23. Đánh giá, xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

Việc đánh giá, xếp loại nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được vận dụng theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHHCN.

Điều 24. Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá ở mức “đạt” trở lên, trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi có kết quả đánh giá, chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến kết luận của Hội đồng và phải có Báo cáo giải trình chỉnh sửa, hoàn thiện.

2. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá ở mức “không đạt”, việc xử lý kết quả thực hiện theo Điều 16, Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC) và các văn bản hiện hành.

Điều 25. Đăng ký, lưu giữ và công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Tổ chức chủ trì thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ được vận dụng theo Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở: Thành phần hồ sơ, thời gian thụ lý hồ sơ công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được vận dụng theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN.

Chương V
QUẢN LÝ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 26. Các nguồn hình thành kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Kinh phí sự nghiệp khoa học tỉnh.
2. Kinh phí tự có của các sở, ngành, các tổ chức khoa học và công nghệ, các quỹ khoa học và công nghệ từ các doanh nghiệp.
3. Kinh phí của các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đề tài, dự án cấp cơ sở.
4. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng kết quả nghiên cứu.
5. Kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Quyết toán, xử lý tài chính, tài sản khi thanh lý, chấm dứt hợp đồng, quản lý chứng từ

1. Đối với nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “đạt” trở lên, tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng. Mẫu biên bản thanh lý hợp đồng được vận dụng theo Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN.

2. Đối với nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá ở mức “không đạt”, việc xử lý kết quả thực hiện theo Điều 16, Điều 17 Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC và các văn bản hiện hành khác của Nhà nước.

3. Khi thanh lý, chấm dứt hợp đồng, việc quyết toán, xử lý tài chính, tài sản được mua sắm, các sản phẩm vật chất được hình thành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, được thực hiện theo Thông tư số 63/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước và các quy định hiện hành có liên quan.

4. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, chủ nhiệm nhiệm vụ chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, hợp lệ của toàn bộ hồ sơ chứng từ của nhiệm vụ và có trách nhiệm bảo quản, lưu trữ chứng từ chi theo đúng quy định để phục vụ công tác thanh tra, kiểm toán khi có yêu cầu.

5. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sau khi thẩm tra quyết toán nhiệm vụ lưu bảng kê chứng từ, bảng kê quyết toán kinh phí nhiệm vụ do tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở xác nhận và đề nghị.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Hướng dẫn đơn vị cơ sở triển khai thực hiện việc xác định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Quy định này.

2. Theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và tình hình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống. Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình thực hiện Quy định này.

3. Tổ chức tiếp nhận danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở do cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở lập và báo cáo.

4. Phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, kỷ luật đối với các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 29. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tổng hợp, cân đối kinh phí trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo đề nghị của cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở và đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán ngân sách cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra việc chấp hành quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch và dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, tổng hợp vào dự toán hằng năm của ngành, đơn vị theo tiến độ xây dựng dự toán hằng năm của tỉnh gửi Sở Tài chính thẩm định, đồng thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

2. Bố trí một phần kinh phí từ nguồn thu phí để lại cho đơn vị và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có) để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Kiểm tra các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Quy định này.

4. Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) trước ngày 10/12 hằng năm.

Điều 31. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức xây dựng kế hoạch và dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở, tổng hợp vào dự toán hằng năm của huyện, thị xã, thành phố theo tiến độ xây dựng dự toán hằng năm của tỉnh, đồng thời gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

2. Bố trí ngân sách cấp huyện để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Kiểm tra các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo quy định.

4. Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cơ sở với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) trước ngày 10/12 hằng năm.

Điều 32. Trách nhiệm của tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở

1. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Hợp đồng đã ký kết.

2. Thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ được vận dụng theo Điều 7 Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Chính phủ quy định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ tại đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

3. Báo cáo tình hình thực hiện và hiệu quả ứng dụng kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở về đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở theo Quy định này.

Điều 33. Trách nhiệm của cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ, lập báo cáo kết quả nghiên cứu và trực tiếp bảo vệ trước Hội đồng tuyển chọn, Hội đồng nghiệm thu.

2. Tổ chức triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đúng thuyết minh đã được phê duyệt và hợp đồng khoa học và công nghệ, chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả và hiệu quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cùng với tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bồi thường thiệt hại hoặc hoàn trả kinh phí do vi phạm hợp đồng hoặc các hành vi vi phạm gây ra theo quy định.

4. Trường hợp không thực hiện trách nhiệm quy định tại Điều này thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật, đồng thời không được tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trong thời hạn 02 năm kể từ ngày bị xử lý vi phạm.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Tổ chức thực hiện

Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

Điều 35. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có những vướng mắc hoặc có vấn đề mới phát sinh, các tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật hiện hành./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng